

**HIỆP ĐỊNH**  
**KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC**  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC**  
**THỤY ĐIỂN**  
**Ngày 08 tháng 09 năm 1993**

Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ Vương quốc Thụy Điển, mong muốn tăng cường hợp tác kinh tế vì lợi ích của hai nước và tạo điều kiện thuận lợi và thỏa đáng cho đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, Nhận thấy việc khuyến khích và bảo hộ đầu tư tạo thuận lợi cho việc mở rộng các quan hệ kinh tế giữa hai Bên ký kết và thúc đẩy các hoạt động đầu tư. Hai bên đã thỏa thuận các điều khoản sau:

**Điều 1**

**Định nghĩa**

Đối với Hiệp định này:

1. Thuật ngữ "đầu tư" bao gồm các loại tài sản và nhà đầu tư của một Bên ký kết đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, phù hợp với luật pháp và các quy định của nước đó, cụ thể là:

- a) Quyền sở hữu động sản và bất động sản, cũng như mọi quyền sở hữu tài sản khác như quyền thế chấp, cầm cố, thế nợ, quyền hưởng hoa lợi và các quyền tương tự;
- b) Các cổ phần và các hình thức quyền lợi khác của công ty;
- c) Quyền sở hữu về tiền hoặc về bất kỳ sự thực hiện nào theo hợp đồng có giá trị kinh tế;
- d) Bằng sáng chế, các quyền sở hữu công nghiệp khác, quy trình công nghệ, tên thương mại, bí quyết kỹ thuật và các quyền sở hữu trí khác, cũng như đặc quyền kế nghiệp; và
- e) Tô nhượng về kinh doanh theo luật định, theo quyết định hành chính hoặc theo hợp đồng, bao gồm tô nhượng về nghiên cứu, nuôi trồng, tinh chế hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Sự thay đổi về hình thức tài sản đầu tư sẽ không ảnh hưởng đến tính chất đầu tư.

2. Theo hợp đồng cho thuê (leasing agreement), người cho thuê là công dân hoặc pháp nhân có trụ sở trên lãnh thổ của một Bên ký kết cho người của Bên ký kết kia thuê tài sản thì tài sản đó được đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử với đầu tư.

3. Thuật ngữ "nhà đầu tư" có nghĩa là:

- a) Bất kỳ thể nhân nào có quốc tịch của một Bên ký kết phù hợp với pháp luật nước đó; và
- b) Bất kỳ pháp nhân nào có trụ sở trên lãnh thổ của một Bên ký kết, hoặc ở nước thứ ba mà đa số quyền lợi thuộc về nhà đầu tư của một Bên ký kết.

4. Thuật ngữ "lãnh thổ" đối với mỗi Bên ký kết bao gồm các vùng biển, lãnh hải, thềm lục địa mà trên đó mỗi Bên ký kết thực hiện chủ quyền, các quyền về chủ quyền hoặc quyền tài phán phù hợp với Luật pháp quốc tế.

## **Điều 2**

### **Khuyến khích và bảo hộ đầu tư**

1. Mỗi Bên ký kết sẽ luôn luôn đảm bảo đối xử công bằng và thỏa đáng đối với các đầu tư của Bên ký kết kia và không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, bảo dưỡng, sử dụng quyền được hưởng hoa lợi hoặc quyền định đoạt bằng các biện pháp không thỏa đáng như hạn chế mua nguyên vật liệu, phụ tùng, nguyên liệu phụ, năng lượng và nhiên liệu, cũng như các dịch vụ khác cần thiết cho hoạt động sản xuất và kinh doanh. Đối với các nguyên liệu và dịch vụ nói trên, nhà đầu tư có quyền tự do chọn người cung cấp với những điều kiện có lợi nhất. Nhà đầu tư có quyền tự do tiêu thụ sản phẩm ở nước ngoài và được tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong nước phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành và không có cản trở nào đối với việc tiêu thụ sản phẩm hoặc những biện pháp tương tự.

2. Đối với việc vận chuyển hàng hóa hay người liên quan tới đầu tư nhà đầu tư có quyền tự do chọn người vận chuyển.

3. Các cá nhân làm việc cho nhà đầu tư của một Bên ký kết, cũng như các thành viên trong gia đình họ, sẽ được nhập cảnh, cư trú và xuất cảnh khỏi lãnh thổ Bên ký kết kia để tiến hành các hoạt động liên quan tới đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết đó phù hợp với luật pháp và các quy định về nhập cảnh và cư trú đối với người nước ngoài.

4. Mỗi Bên ký kết sẽ khuyến khích các đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ nước mình phù hợp với chính sách của nước mình trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài và sẽ chấp thuận các đầu tư đó phù hợp với luật pháp nước mình.

5. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá tình hình tài chính và kết quả các hoạt động liên quan đến đầu tư trên lãnh thổ của một Bên ký kết, Bên ký kết này trong chừng mực không làm ảnh hưởng đến các yêu cầu của nước mình về kế toán và kiểm toán của nước họ hoặc theo các tiêu chuẩn quốc tế được chấp nhận (như tiêu chuẩn kế toán quốc tế (IAS) do Ủy ban tiêu chuẩn kế toán quốc tế (IASC) quy định). Kết quả kế toán và kiểm toán đó sẽ được tự do di chuyển.

6. Các nhà đầu tư tiến hành phù hợp với luật pháp và các quy định của một Bên ký kết trên lãnh thổ nước đó, được hưởng sự bảo hộ hoàn toàn theo Hiệp định này.

## **Điều 3**

### **Những điều khoản về chế độ tối huệ quốc**

1. Mỗi Bên ký kết đảm bảo cho các đầu tư trên lãnh thổ nước mình do nhà đầu tư của Bên ký kết kia thực hiện một sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư một nước thứ ba.

2. Tuy có quy định ở khoản 1 Điều này, mỗi Bên ký kết:

a) Tham gia hoặc ký kết Hiệp định về một khu vực thuế quan, thị trường chung hoặc khu vực tự do thương mại, hoặc

b) Tham gia các Hiệp định đa phương về hợp tác kinh tế nhằm mục đích tương trợ kinh tế, được tự do tạo những điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư của nước hoặc các nước thành viên các Hiệp định nêu trên.

3. Quy định ở khoản 1 Điều này không bắt buộc một Bên ký kết phải dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia những lợi ích từ bất kỳ sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền do sự tham gia của nước đó vào bất kỳ Hiệp định quốc tế nào có liên quan đến toàn bộ hoặc chủ yếu hoặc do bất kỳ quy định trong nước có liên quan đến toàn bộ hoặc chủ yếu đến thuế.

#### **Điều 4**

##### **Tước đoạt quyền sở hữu và bồi thường**

1. Mỗi Bên ký kết Hiệp định sẽ không thực hiện bất kỳ biện pháp tước đoạt nào, trực tiếp hoặc gián tiếp đối với nhà đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia, trừ phi đảm bảo các điều kiện sau:

a) các biện pháp được thực hiện vì lợi ích công cộng và theo đúng thủ tục do luật định;

b) các biện pháp đó được tiến hành riêng biệt và không phân biệt đối xử; và

c) các biện pháp được thực hiện với điều kiện trả tiền bồi thường ngay, thỏa đáng và có hiệu quả và khoản bồi thường đó được chuyển ra nước ngoài không chậm trễ bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

2. Quy định ở khoản 1 Điều này cũng áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư, cũng như đối với các khoản thu từ thanh lý trong trường hợp thanh lý.

3. Nhà đầu tư của một Bên ký kết nếu bị rủi ro trên lãnh thổ của Bên ký kết kia do chiến tranh hoặc các xung đột vũ trang khác, do tình trạng khẩn cấp quốc gia, bạo động, khởi nghĩa hay nổi loạn trên lãnh thổ của bên đó thì sẽ được Bên đó đối xử trong trường hợp hồi phục, đền bù, bồi thường hoặc thực hiện các giải pháp khác, không kém thuận lợi hơn sự đối xử đối với nhà đầu tư của một nước thứ ba. Các khoản tiền trên được chuyển ra nước ngoài không chậm trễ bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

#### **Điều 5**

##### **Việc chuyển tiền ra nước ngoài**

1. Mỗi Bên ký kết sẽ cho phép chuyển không chậm trễ bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi các khoản sau:

a) các khoản thu nhập thực tế phát sinh từ đầu tư của nhà đầu tư bao gồm đặc biệt mặc dù không chỉ giới hạn các khoản tăng từ vốn, lợi tức, lãi do cho vay, lãi cổ phần, thu nhập từ lixăng, tiền bản quyền hoặc các loại phí;

b) các khoản thu từ việc thanh lý toàn bộ hoặc một phần của bất kỳ đầu tư nào của một nhà đầu tư Bên ký kết kia;

c) các khoản thanh toán tiền cho vay liên quan đến đầu tư; và

d) thu nhập của các cá nhân không phải là công dân của nước đó và được phép làm việc trong các cơ sở đầu tư trên lãnh thổ của Bên đó và các khoản tiền khác dùng để trang trải các chi phí quản lý đầu tư.

2. Mỗi Bên ký kết đảm bảo về việc chuyển tiền ra nước ngoài quy định ở khoản 1 của Điều này sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử đối với việc chuyển tiền ra nước ngoài đối với các khoản đầu tư của nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào.

3. Việc chuyển các khoản tiền nói trên được thực hiện không chậm trễ.

4. Bất kỳ việc chuyển nào nói trong Hiệp định này được áp dụng tỷ giá hối đoái chính thức công bố vào thời điểm chuyển.

## **Điều 6**

### **Tranh chấp giữa các bên ký kết**

1. Bất kỳ một tranh chấp nào giữa các Bên ký kết liên quan tới việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này, nếu có thể, sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa Chính phủ của các Bên ký kết.

2. Nếu vụ tranh chấp không được giải quyết trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bắt đầu thương lượng, mỗi Bên ký kết có thể yêu cầu đưa vụ tranh chấp ra Tòa án Trọng tài.

3. Tòa án Trọng tài được thành lập từng trường hợp, mỗi Bên ký kết chỉ định một thành viên của Tòa án Trọng tài. Hai thành viên này sẽ thỏa thuận đề cử một công dân một nước thứ ba làm Chủ tịch của Tòa án Trọng tài để Chính phủ hai Bên ký kết chỉ định. Hai thành viên phải được đề cử trong thời hạn 2 tháng, và Chủ tịch trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày một Bên ký kết thông báo cho Bên ký kết kia về việc đưa vụ tranh chấp ra Tòa án Trọng tài.

4. Nếu việc đề cử nói trên không được thực hiện trong thời gian quy định ở khoản 3 Điều này, mỗi Bên ký kết có thể, không cần bất kỳ sự thỏa thuận nào khác, mời Chủ tịch Tòa án quốc tế tiến hành việc chỉ định cần thiết.

5. Nếu Chủ tịch Tòa án quốc tế bị cản trở không thực hiện được chức năng ghi ở khoản 4 Điều này hoặc là công dân của một Bên ký kết, Phó Chủ tịch sẽ được mời để tiến hành việc chỉ định cần thiết. Nếu Phó Chủ tịch cũng bị cản trở không thực hiện được chức năng nói trên hoặc là công dân của một Bên ký kết, thì thành viên cao cấp nhất của Tòa án quốc tế và không phải là công dân của một Bên ký kết sẽ được mời để tiến hành việc chỉ định cần thiết.

6. Tòa án Trọng tài biểu quyết theo đa số phiếu, quyết định này là chung thẩm và có hiệu lực bắt buộc đối với hai Bên ký kết. Mỗi Bên ký kết chịu chi phí cho thành viên Tòa án Trọng tài mà mình chỉ định và cho đại diện của mình trong quá trình tố tụng; chi phí cho Chủ tịch, cũng như các chi phí khác, do hai Bên chịu bằng nhau. Tuy nhiên, Tòa án Trọng tài có thể quyết định một Bên ký kết chịu các khoản chi phí này nhiều hơn Bên ký kết kia. Tòa án Trọng tài tự quy định thủ tục tố tụng của mình.

## **Điều 7**

### **Tranh chấp giữa nhà đầu tư và một bên ký kết**

1. Mọi tranh chấp có liên quan đến đầu tư giữa một Bên ký kết và nhà đầu tư của Bên ký kết kia về việc hiểu và giải thích Hiệp định này, nếu có thể, sẽ giải quyết bằng hòa giải.

2. Nếu vụ tranh chấp không được giải quyết trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày phát sinh vụ tranh chấp, thì theo yêu cầu của mỗi Bên ký kết, vụ tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Trọng tài.

3. Về thủ tục trọng tài sẽ áp dụng Quy tắc Trọng tài của Ủy ban Luật Thương mại Quốc tế của Liên hợp quốc (UNCITRAL), được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 15 tháng 12 năm 1976.

4. Trong trường hợp cả hai bên ký kết tham gia Công ước Oa sinh ton ngày 18 tháng 03 năm 1965 về giải quyết các tranh chấp về đầu tư giữa một quốc gia và công dân quốc gia khác theo yêu cầu của nhà đầu tư, vụ tranh chấp có thể được đưa ra Trung tâm quốc tế giải quyết các tranh chấp về đầu tư (ICSID). Mỗi Bên ký kết Hiệp định sẽ chấp thuận việc đưa bất kỳ tranh chấp nào thuộc loại này ra giải quyết theo Công ước Oa sinh ton nói trên.

## **Điều 8**

### **Áp dụng luật quốc gia và luật quốc tế**

Việc áp dụng Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích của nhà đầu tư của một Bên ký kết được hưởng theo Luật quốc gia và Luật quốc tế trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

## **Điều 9**

### **Áp dụng Hiệp định**

Hiệp định này được áp dụng đối với tất cả các đầu tư được thực hiện trước hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực, nhưng không áp dụng đối với các tranh chấp liên quan đến các đầu tư đã phát sinh, hoặc các khiếu nại liên quan đến đầu tư đã được giải quyết trước khi Hiệp định này có hiệu lực.

## **Điều 10**

### **Hiệu lực, thời hạn và kết thúc hiệp định**

1. Hiệp định này có hiệu lực kể từ ngày Chính phủ hai Bên ký kết thông báo cho nhau về việc hoàn thành các thủ tục pháp lý để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này có hiệu lực trong thời hạn 20 năm. Sau đó Hiệp định sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi hết 12 tháng kể từ ngày Chính phủ hai Bên ký kết thông báo cho nhau bằng văn bản, quyết định của mình về việc kết thúc Hiệp định.

3. Đối với các đầu tư được thực hiện trước ngày Hiệp định này hết hiệu lực, những quy định từ Điều 1 đến Điều 10 của Hiệp định này vẫn có hiệu lực trong thời hạn 20 năm tiếp theo kể từ ngày Hiệp định này hết hiệu lực.

Chứng thực cho việc ký kết dưới đây, người đại diện có thẩm quyền ký Hiệp định này.

Hiệp định này làm tại Stockholm ngày 08 tháng 09 năm 1993 thành hai bản bằng tiếng Anh, tiếng Việt Nam và tiếng Thụy Điển, các văn bản giá trị ngang nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, sẽ lấy văn bản tiếng Anh làm căn cứ.